

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/TTC-BH/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 84-276-3753250

Fax: 84-276-3839834

E-mail: thongtin.ttc@ttcsugar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3900244389

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Đường Tinh luyện Thượng hạng**

2. Thành phần: Đường mía

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 50 kg/ bao
- Chất liệu bao bì : Đường tinh luyện Thượng hạng được chứa trong bao PE, bên ngoài là bao PP. Miệng trên được may bằng loại chỉ bền, may theo mũi chuyên.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1. Xuất xứ : Sản xuất tại Việt Nam

5.2. Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

5.3. Địa chỉ sản xuất: Đường tinh luyện Thượng hạng được sản xuất và đóng gói tại

Cơ sở 1: Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “G” sau ngày sản xuất.

Cơ sở 2: Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai

Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai,
Việt Nam

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “A” sau ngày sản xuất.



Cơ sở 3: Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “D” sau ngày sản xuất.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 8 - 2: 2011/BYT: Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng asen	mg/kg, không lớn hơn	1
2	Hàm lượng chì	mg/kg, không lớn hơn	0,5
3	Hàm lượng thủy ngân	mg/kg, không lớn hơn	0,05
4	Hàm lượng cadmi	mg/kg, không lớn hơn	1

2. Thông tư của các bộ, ngành:

- TCVN 7270:2003/BYT: Yêu cầu vệ sinh

STT	Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/10g, không lớn hơn	200
2	Men	CFU/10g, không lớn hơn	10
3	Mốc	CFU/10g, không lớn hơn	10
4	Hàm lượng SO ₂	mg/kg, không lớn hơn	2

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

STT	Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	<i>Coliform</i>	CFU/g, không lớn hơn	100
2	<i>E. coli</i>	MPN/g, không lớn hơn	3
3	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g, không lớn hơn	100
4	<i>Salmonella</i> spp/25g		Không có
5	Aflatoxin B1	µg/kg, không lớn hơn	5
6	Aflatoxin B1 B2 G1 G2	µg/kg, không lớn hơn	15

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	2, 4 – D	mg/kg, không lớn hơn	0,05
2	Aldicarb	mg/kg, không lớn hơn	0,1
3	Azinphos – Methyl	mg/kg, không lớn hơn	0,2
4	Carbofuran	mg/kg, không lớn hơn	0,1
5	Chlorantraniliprole	mg/kg, không lớn hơn	0,5
6	Clothianidin	mg/kg, không lớn hơn	0,4
7	Cyhalothrin	mg/kg, không lớn hơn	0,05
8	Cypermethrins	mg/kg, không lớn hơn	0,2
9	Dicamba	mg/kg, không lớn hơn	1
10	Ethoprophos	mg/kg, không lớn hơn	0,02
11	Glyphosate	mg/kg, không lớn hơn	2
12	Imazapic	mg/kg, không lớn hơn	0,01
13	Isoxaflutole	mg/kg, không lớn hơn	0,01
14	Mesotrione	mg/kg, không lớn hơn	0,01
15	Novaluron	mg/kg, không lớn hơn	0,5
16	Propiconazole	mg/kg, không lớn hơn	0,02
17	Tebufenozide	mg/kg, không lớn hơn	1
18	Trinexapac - ethyl	mg/kg, không lớn hơn	0,5

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về Nhãn hàng hóa

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

3.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể có kích thước tương đối đồng đều, toi khô.
- Màu sắc: Tinh thể đường có màu trắng. Khi pha trong nước cất cho dung dịch trong suốt.
- Mùi vị: Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi vị lạ.

3.2. Các chỉ tiêu hóa lý:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
Đường Saccharose (Pol)	%, không nhỏ hơn	99,9
Độ ẩm	%, không lớn hơn	0,04
Độ màu	ICUMSA, không lớn hơn	10
Hàm lượng tro dẫn điện	%, không lớn hơn	0,01
Hàm lượng đường khử	%, không lớn hơn	0,03

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 02 tháng 10 năm 2020

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Lê Đức Tôn





200 mm

30 mm

ĐƯỜNG TINH LUYỆN THƯỢNG HẠNG 50 KG



ĐƯỜNG TINH LUYỆN THƯỢNG HẠNG SUPER REFINED SUGAR

KHỐI LƯỢNG TINH (NET WEIGHT): 50 kg

THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA

SACCHAROSE (%): $\geq 99,9$

Sản phẩm của

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

ĐT: (0276) 375 3250. Website: www.ttc-sugar.com.vn



Gửi mỗi thùng rác đúng nơi quy định
bỏ vào thùng các loại rác thải

- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
 - BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MÁT
 - TRÁNH ĐỂ NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
 - SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT
- BEST BEFORE 24 MONTHS FROM PRODUCTION DATE

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM



8 935025 911463

NSX/MFG: 08/08/15 EBC 1234567

30 mm

ĐƯỜNG TINH LUYỆN THƯỢNG HẠNG 50 KG

100 mm

KT3-08096ATP0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

02/10/2020
 Page 01/05

1. Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG TINH LUYỆN THUƠNG HẠNG
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
 Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in sealed package, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 23/09/2020
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 23/09/2020 - 02/10/2020
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CP THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
 Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02-05/05*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-08096ATP0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/10/2020
 Page 02/05

7. Kết quả thử nghiệm :
 Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Ngoại quan ^(*) / <i>Appearance</i> - Trạng thái/ <i>State</i> - Mùi Vị / <i>Odor & taste</i> - Màu sắc / <i>Colour</i>	QTTN/KT3 234 : 2019	-	Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, toí khô, không vón cục/ <i>White crystal, equal crystals dry, no curdle</i> Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ <i>Sugar crystal or sugar solution in water is sweet, free from foreign odor & taste</i> Tinh thể màu trắng óng ánh, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong suốt <i>White crystals, clear solution when adder water</i>
7.2. Độ Pol ở 20 °C <i>Polarization at 20 °C</i>	GS 1/2/3/9 - 1 (2011) ICUMSA	-	99,9
7.3. Độ màu / <i>Colour</i> , IU	GS2/3-9 (2005) ICUMSA	-	7,57
7.4. Độ ẩm, g/100 g <i>Moisture content</i>	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	1,40 x 10 ⁻²
7.5. Hàm lượng tro dẫn điện, g/100 g <i>Conductivity ash</i>	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	-	2,00 x 10 ⁻³

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.
 Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-08096ATP0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/10/2020
 Page 03/05

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.6. Hàm lượng đường khử, g/100 g <i>Reducing sugars content</i>	GS 2/3/9-5 (2011) ICUMSA	-	6,00 x 10 ⁻³
7.7. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg <i>Sulfur dioxide content</i>	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA	-	0,26
7.8. Hàm lượng tạp chất không tan trong nước, mg/kg <i>Insoluble-water impurities content</i>	GS 2/3/9 – 19 (2007) ICUMSA	-	1,84
7.9. Kích cỡ hạt trung bình, mm <i>Average particle size</i>	GS 2/9 - 37 (2007) ICUMSA	-	0,71
7.10. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg <i>Total arsenic content</i>	TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.11. Hàm lượng đồng, mg/kg <i>Copper content</i>	AOAC 2016 (999.11)	0,12	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.12. Hàm lượng chì, mg/kg <i>Lead content</i>	QTTN/KT3 196 : 2018 (Ref: AOAC 2016 (2013.06))	6,00 x 10 ⁻³	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.13. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg <i>Mercury content</i>	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	1,50 x 10 ⁻²	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.14. Hàm lượng cadimi, mg/kg <i>Cadmium content</i>	AOAC 2016 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.15. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg <i>Aflatoxin B1 content</i>	AOAC 2016 (991.31)	0,25	Không phát hiện <i>Not detected</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-08096ATP0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/10/2020
Page 04/05

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.16. Hàm lượng aflatoxin, Aflatoxin content • B ₁ • B ₂ • G ₁ • G ₂	μg/kg AOAC 2016 (991.31)	0,25 0,10 0,25 0,10	Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected
7.17. Năng lượng / Calories • kcal/100 g	QTTN/KT3 024 : 2018	-	400
7.18. Hàm lượng carbohydrate tính theo khối lượng, Carbohydrate content (m/m)	% U.S. FDA 21 CFR 101.9	-	100
7.19. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, Total mesophilic bacterial count	CFU/10 g GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.20. Tổng số nấm men, Total yeasts	CFU/10 g GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.21. Tổng số nấm mốc, Total moulds	CFU/10 g GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.22. Coliform,	CFU/g ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.23. E. Coli,	MPN/g ISO 16649 – 3 : 2015	-	0
7.24. Salmonella spp /25 g	ISO 6579-1:2017	-	Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-08096ATP0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

02/10/2020
Page 05/05

7. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.25. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than

Ghi chú/ Note: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Report N°: 20100201AB

Page N°: 1/ 5

Ho Chi Minh City, Date: October 02, 2020
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 02/10/2020

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL20/12818-1
Đơn hàng: FDL20/12818-1

CLIENT'S NAME : THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

CLIENT'S ADDRESS : TAN HUNG COMMUNE, TAN CHAU DISTRICT, TAY NINH PROVINCE,
VIET NAM
Địa chỉ : XÃ TÂN HƯNG, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:
Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description Mô tả mẫu	: SUGAR : Đường
Number of sample Số lượng mẫu	: 01 sample : 01 mẫu
Sample characterisation/ condition Tình trạng mẫu	: Sample (approx. 1kg) in plastic bag : Mẫu (khoảng 1kg) chứa trong túi nhựa
Client's reference Chú thích của khách hàng	: ĐƯỜNG TINH LUYỆN THƯỢNG HẠNG
Date sample(s) received Ngày nhận mẫu	: September 23, 2020 : 23/09/2020
Testing period Thời gian thử nghiệm	: September 23 – October 02, 2020 : 23/09/2020 – 02/10/2020
Test requested Yêu cầu thử nghiệm	: As applicant's requirement : Theo yêu cầu của khách hàng
Test result Kết quả kiểm nghiệm	: Please refer to the next page(s) : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh
Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2
IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/certificate/authenticateCertificate.jsp>.



Report N°: 20100201AB

Page N°: 2/ 5

DETAIL TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
1. Aldicarb <i>Aldicarb</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
2. Aldicarb sulfone <i>Aldicarb sulfone</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
3. Aldicarb sulfoxide <i>Aldicarb sulfoxide</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
4. Aldicarb (sum of aldicarb and its sulfoxide, sulfone expressed as aldicarb) <i>Aldicarb (tổng của aldicarb, aldicarb sulfoxide và aldicarb sulfone quy về aldicarb)</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i>	mg/kg
5. Azinphos-methyl <i>Azinphos-methyl</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
6. Carbofuran <i>Carbofuran</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
7. Carbofuran-3-OH <i>Carbofuran-3-OH</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
8. Carbofuran (sum of carbofuran (including any carbofuran generated from carbosulfan, benfuracarb or furathiocarb) and 3-OH carbofuran expressed as carbofuran) <i>Carbofuran (tổng của carbofuran (bao gồm carbofuran được sinh ra từ carbosulfan, benfuracarb hoặc furathiocarb) và carbofuran-3-OH quy về carbofuran)</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i>	mg/kg
9. Chlorantraniliprole <i>Chlorantraniliprole</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.005	mg/kg

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921

www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.



Report N°: 20100201AB

Page N°: 3/ 5

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
10. Clothianidin <i>Clothianidin</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
11. Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (sum) <i>Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (tổng)</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
12. Cypermethrin (sum of isomers) <i>Cypermethrin (tổng các đồng phân)</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
13. Ethoprophos <i>Ethoprophos</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
14. Isoxaflutole <i>Isoxaflutole</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
15. Mesotrione <i>Mesotrione</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
16. Novaluron <i>Novaluron</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
17. Propiconazole (sum of isomers) <i>Propiconazole (tổng của các đồng phân)</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
18. Tebufenozide <i>Tebufenozide</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
19. 2,4-D (sum of 2,4-D, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-D) <i>2,4-D (tổng của 2,4-D, bao gồm muối, ester và các dạng liên kết của nó, quy về 2,4-D)</i>	BS EN 15662:2018, mod.	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
20. Dicamba <i>Dicamba</i>	BS EN 15662:2018, mod.	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.03	mg/kg

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/v2/terms-and-conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.



Report N°: 20100201AB

Page N°: 4/ 5

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
21. Imazapic <i>Imazapic</i>	BS EN 15662:2018, mod.	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
22. Trinexapac (sum of trinexapac (acid), its salts and its esters Trinexapac ethyl, expressed as trinexapac) <i>Trinexapac (tổng của trinexapac (axít), dạng muối và ester của nó, quy về trinexapac)</i>	BS EN 15662:2018, mod	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
23. Glyphosate <i>Glyphosate</i>	J. AOAC Int. 100 (2017) 631-639	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg

Note/Ghi chú:

- LOD = Limit of Detection/ *Giới hạn phát hiện*
- When the chemical analyte is detected but the concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ". If the result was calculated from sum of individual analytes, it was done without single values below LOQ taken into account.
Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả sẽ được thể hiện là "< LOQ". Nếu kết quả được tính từ tổng của từng chỉ tiêu, nó được thực hiện không bao gồm các giá trị đơn lẻ nhỏ hơn giới hạn định lượng.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH
SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác
END OF THE REPORT

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/erv/terms-and-conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/erv/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.



SGS

Report N°: 20100201AB

Page N°: 5/ 5

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921

www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at

<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

Số: 22/2022/CV/TTC-BH
V/v Điều chỉnh cơ sở sản xuất

Tây Ninh, ngày 24 tháng 1 năm 2022

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ, ngày 02 tháng 02 năm 2018;
- Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BYT của Bộ Y tế, ngày 06 tháng 09 năm 2021;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa xin điều chỉnh nội dung trong các Hồ sơ Tự Công bố chất lượng các sản phẩm của Công ty chúng tôi, cụ thể như sau:

STT	Số hồ sơ	Diễn giải	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh	Tài liệu thay đổi
01	09/TTC-BH/2020 10/TTC-BH/2018 11/TTC-BH/2018 12/TTC-BH/2018 13/TTC-BH/2018 14/TTC-BH/2018 15/TTC-BH/2018	Thông tin về địa chỉ sản xuất	Cơ sở 2: Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cơ sở 2: Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Bản tự công bố sản phẩm
	16/TTC-BH/2018 17/TTC-BH/2018 21/TTC-BH/2020 23/TTC-BH/2020 24/TTC-BH/2020	Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm	• Aflatoxin B1: không lớn hơn 5 µg/kg • Aflatoxin B1 B2 G1 G2: không lớn hơn 15 µg/kg	(Bãi bỏ theo Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Điều 1 Thông tư 12/2021/TT-BYT ngày 06 tháng 09 năm 2021)	
	08/TTC-BH/2018 18/TTC-BH/2019	Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm	• Aflatoxin B1: 5 µg/kg • Aflatoxin B1 B2 G1 G2: 15 µg/kg	(Bãi bỏ theo Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Điều 1 Thông tư 12/2021/TT-BYT ngày 06 tháng 09 năm 2021)	

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục để nắm tình hình.

Trân trọng,

Nơi đến:

- Như trên.

- Lưu P. QHSE



Lê Đức Tôn

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 02 tháng 02 năm 2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 06 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa chúng tôi xin được điều chỉnh thông tin liên quan đến Hồ sơ Tự công bố sản phẩm Đường tinh luyện thượng hạng, trên Bản tự công bố sản phẩm (09/TTC-BH/2020) và trên Nhãn hàng hóa như sau:

1. Bản tự công bố sản phẩm:

STT	Nội dung	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh
1	II. Thông tin về sản phẩm		
	3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:	Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.	- Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. - Ngày sản xuất được in trên bao bì.
	5.1. Xuất xứ:	Sản xuất tại Việt Nam	Việt Nam
2	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm		
	5.2. Thông tư của các bộ, ngành:		
	- TCVN 7270:2003/BYT: Yêu cầu vệ sinh	Điều chỉnh tên chỉ tiêu theo TCVN 7270:2003/BYT	
		1. Tổng số vi khuẩn hiếu khí 2. Men 3. Mốc 4. Hàm lượng SO ₂	1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí 2. Nấm men 3. Nấm mốc 4. Dư lượng SO ₂
		Bổ sung chỉ tiêu Đồng (Cu) theo TCVN 7270:2003/BYT	

STT	Nội dung	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh			
		(Chưa có)	STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
			5	Đồng (Cu)	mg/kg, không lớn hơn	2
3	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm					
	3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:					
	3.3. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản và thông tin cảnh báo	Bổ sung thông tin về hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản và thông tin cảnh báo				
		(Chưa có)	- Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm. - Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời. - Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.			

2. Nhân hàng hóa:

STT	Nội dung	Nhân đang sử dụng	Nhân sau khi điều chỉnh
1	Xuất xứ hàng hóa	Sản xuất tại Việt Nam	Xuất xứ: Việt Nam
	Thành phần định lượng	Saccharose (%): ≥ 99,9	(Hủy bỏ)
	Ngày sản xuất	(Chưa có nội dung dẫn giải)	Ngày sản xuất được in trên bao bì
	Hạn sử dụng	Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Best before 24 months from production date.	Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất
	Hướng dẫn bảo quản	Tránh để nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.	Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời
	Thông tin cảnh báo	(Chưa có)	Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng

STT	Nội dung	Nhãn đang sử dụng	Nhãn sau khi điều chỉnh
	Logo Công ty		Một sản phẩm chất lượng của 
	Logo Hàng Việt Nam chất lượng cao		

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục v/v điều chỉnh bản tự công bố sản phẩm và nhãn hàng hóa của sản phẩm Đường tinh luyện thượng hạng theo nội dung như trên.

Trân trọng.

Nơi đến:

- Như trên.
- Lưu P. QHSE

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

Lê Đức Tôn

4389 - C.T.C.P.
 TY
 AN
 NH CÔNG
 HÒA
 T. TÂY NINH



200 mm

30 mm

ĐƯỜNG TINH LUYỆN THƯỢNG HẠNG 50 KG



ĐƯỜNG TINH LUYỆN THƯỢNG HẠNG SUPER REFINED SUGAR

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): 50 kg
THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA

Sản phẩm của

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

ĐT: (0276) 375 3250. Website: www.ttcsugar.com.vn

Xuất xứ: Việt Nam



Một sản phẩm chất lượng của



Các môi trường sạch đẹp, vui lòng
bỏ vào thùng rác, sau khi sử dụng

- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MÁT. TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI
ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG
- NGÀY SẢN XUẤT ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KẾT TỪ NGÀY SẢN XUẤT



NSX/MFG: 08/01/2024

30 mm

ĐƯỜNG TINH LUYỆN THƯỢNG HẠNG 50 KG

100 mm